



VNU Journal of Science: Legal Studies

Journal homepage: <https://js.vnu.edu.vn/LS>



Original Article
**The Current Situation of Climate Change in Vietnam
and Some Recommendations for Improvement
of Policies and Laws**

Tran Linh Huan*

*Ho Chi Minh City University of Law, 02 Nguyen Tat Thanh, Ward 13,
District 4, Ho Chi Minh, Vietnam*

Received 30 April 2022

Revised 21 August 2022; Accepted 9 February 2023

Abstract: Vietnam is one of the countries heavily affected by climate change. So it is very important and urgent to respond proactively to climate change in our country. In recent years, although the State has been very interested in investing in climate change response in many aspects, in addition to the results, climate change response activities still exist some limited issues that need to continue to be completed, especially issues of domestic policies and laws on climate change response. In this context, this article focuses on assessing the situation of climate change in Vietnam, analyzing and clarifying some limited issues and inadequacies in Vietnam's policies and laws governing climate change response and thereby making some recommendations.

Keywords: Climate change, climate change response, policies, laws, Vietnam.

* Corresponding author.

E-mail address: tlhuan@hcmulaw.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4462>

Thực trạng biến đổi khí hậu tại Việt Nam và một số kiến nghị hoàn thiện chính sách, pháp luật

Trần Linh Huân*

*Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh,
02 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Nhận ngày 30 tháng 4 năm 2022
Chỉnh sửa ngày 21 tháng 8 năm 2022; Chấp nhận đăng ngày 09 tháng 02 năm 2023

Tóm tắt: Việt Nam là một trong những quốc gia chịu sự ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu. Vì vậy việc chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu ở nước ta là điều rất quan trọng và cấp thiết. Trong thời gian qua, mặc dù Nhà nước ta đã rất tích cực quan tâm đầu tư cho công tác ứng phó biến đổi khí hậu về nhiều mặt, tuy nhiên bên cạnh những kết quả đã được thì hoạt động ứng phó biến đổi khí hậu vẫn còn tồn tại một số vấn đề hạn chế nhất định cần phải tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện, đặc biệt là các vấn đề về chính sách, pháp luật trong nước về ứng phó biến đổi khí hậu. Dựa trên bối cảnh này, bài viết tập trung đánh giá thực trạng biến đổi khí hậu tại Việt Nam, phân tích một số hạn chế, bất cập trong chính sách, pháp luật Việt Nam điều chỉnh về ứng phó biến đổi khí hậu và từ đó đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện.

Từ khóa: Biến đổi khí hậu, ứng phó biến đổi khí hậu, chính sách, pháp luật, Việt Nam.

1. Đặt vấn đề

Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia bị ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu (BĐKH). Trong những năm qua, dưới tác động của BĐKH, tần suất và cường độ thiên tai ngày càng gia tăng, gây nhiều tổn thất to lớn về người, tài sản, cơ sở hạ tầng, kinh tế, văn hóa, xã hội, tác động xấu đến môi trường. Tác động của BĐKH đối với nước ta là rất nghiêm trọng, vì vậy Việt Nam đã rất nỗ lực ứng phó với BĐKH, điều này được thể hiện qua sự tham gia tích cực vào các cam kết quốc tế cũng như tăng cường xây dựng, ban hành các chính sách, pháp luật trong nước về BĐKH trong thời gian qua. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực đạt được thì hoạt động ứng phó BĐKH vẫn còn tồn tại những vấn đề còn hạn chế, bất cập nhất định trong xây dựng lẫn thi thực các chính sách, quy

định pháp luật, điều này đã có sự ảnh hưởng nhất định đến tính hiệu quả trong hoạt động ứng phó BĐKH. Chính vì vậy, việc tiếp tục nghiên cứu, đánh giá làm rõ tình hình BĐKH cũng như đánh giá thực trạng chính sách, pháp luật về ứng phó BĐKH tại Việt Nam hiện nay để từ đó đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện về mặt chính sách, pháp luật nhằm phù hợp với hoàn cảnh và yêu cầu thực tiễn là điều rất quan trọng, cấp thiết trong bối cảnh hiện nay.

2. Tình hình biến đổi khí hậu tại Việt Nam hiện nay

BĐKH là sự thay đổi của hệ thống khí hậu gồm khí quyển, thủy quyển, sinh quyển, thạch quyển hiện tại và trong tương lai bởi các nguyên nhân tự nhiên và nhân tạo trong một giai đoạn

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: tlhuan@hcmulaw.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4462>

nhất định được tính bằng thập kỷ hay hàng triệu năm [1]. Tình trạng BĐKH toàn cầu xuất phát từ 2 nhóm là nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan. Theo nghiên cứu của các nhà khoa học, những tác động của con người vào môi trường tự nhiên chính là nguyên chủ yếu gây nên BĐKH. Theo đó, việc gia tăng khí CO₂ do hoạt động sản xuất công nghiệp, phá rừng, cũng như các loại khí độc hại khác là nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên. Bên cạnh đó, các yếu tố khách quan trong chính nội tại của tự nhiên bao gồm sự thay đổi trong hoạt động mặt trời, của quỹ đạo trái đất, sự dịch chuyển của các châu lục,... cũng tác động không nhỏ gây nên tình trạng này. BĐKH làm ảnh hưởng rất lớn đến môi trường sống, bầu khí quyển và khí hậu nói chung cũng như tác động mạnh mẽ đến các hệ sinh thái trên trái đất và cuộc sống hàng ngày của con người.

Ở Việt Nam, tình hình BĐKH ngày càng trở nên phức tạp, thất thường và khó kiểm soát hơn. Thực tế trong những năm trở lại đây, tình hình thiên tai có nhiều diễn biến phức tạp, thời tiết thay đổi, mưa nắng thất thường, bão lũ, áp thấp nhiệt đới, nước biển dâng kết hợp với triều cường xảy ra thường xuyên, các hiện tượng thời tiết cực đoan đang ngày càng gia tăng về tần suất và thường khó dự đoán. Các cụm từ “mưa lớn kỷ lục”, “nắng nóng kỷ lục”, “kỷ lục về lũ lụt” đã và đang xuất hiện ngày càng phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng ở Việt Nam trong những năm gần đây.

Năm 2017 được coi là năm kỷ lục về thảm họa thiên tai tại Việt Nam, với hơn 16 cơn bão, lũ lịch sử trái quy luật [2]; nhiệt độ trung bình tại miền Bắc và Bắc Trung Bộ Việt Nam hiện tại cao hơn từ 0,5 -1,0°C so với nhiệt độ trung bình của các năm trước theo tính toán dựa trên dữ liệu cập nhật của 30 năm trở lại đây [3]. Sự thay đổi trong tần suất xuất hiện các cơn bão và áp thấp nhiệt đới ngày càng rõ rệt, ví dụ có năm xảy ra tới 18 - 19 cơn lốc và áp thấp nhiệt đới trên biển Đông, nhưng cũng có năm chỉ xảy ra từ 4 - 6 cơn lốc và áp thấp nhiệt đới, số cơn bão với sức gió đạt từ cấp 12 trở lên đã tăng nhẹ kể từ năm 1990 đến 2015 [4].

Mưa cực đoan có xu thế biến đổi khác nhau giữa các vùng khí hậu giảm ở hầu hết các trạm

thuộc Tây Bắc, Đông Bắc, đồng bằng Bắc Bộ và tăng ở phần lớn các trạm thuộc các vùng khí hậu khác. Số liệu quan trắc cho thấy mưa trái mùa và mưa lớn dị thường xảy ra nhiều hơn. Trong những năm gần đây, mưa lớn xảy ra bất thường hơn cả về thời gian, địa điểm, tần suất và cường độ. Đơn cử như trận mưa lớn ở Quảng Ninh vào cuối tháng 7 đầu tháng 8/2015 đã lập kỷ lục cường độ mưa tập trung trên phạm vi hẹp; cụ thể, trong cả đợt mưa từ 23/07 đến 04/08, tổng lượng mưa đo được dao động từ 1000÷1300mm, riêng tại Cửa Ông lượng mưa đo được gần 1600mm. Mưa lớn không chỉ xảy ra trong mùa mưa mà ngay cả trong mùa khô, đợt mưa trái mùa từ ngày 24 đến 27/3/2015 ở Thừa Thiên - Huế đến Quảng Ngãi có lượng mưa phổ biến từ 200÷500mm [4]. Năm 2018 ghi nhận những cơn số kỉ lục về nhiệt độ trong vòng 46 năm qua tại Hà Nội, với nhiệt độ cao nhất có lúc đạt tới 42°C [5].

Nước biển dâng cũng là một trong những hiện tượng điển hình của BĐKH ở Việt Nam. Số liệu của trạm quốc gia Hòn Dấu ghi nhận được trong vòng 50 năm mực nước biển dâng khoảng 20 cm [6]. Mực nước trung bình toàn Biển Đông biến đổi với tốc độ khoảng 4,05±0,6mm/năm, cao hơn so với tốc độ tăng trung bình toàn cầu trong cùng giai đoạn. Tính trung bình cho toàn dải ven biển Việt Nam, mực nước biển tăng khoảng 3,50±0,7mm/năm. Khu vực ven biển Trung Bộ tăng mạnh nhất với tốc độ tăng khoảng trên 4mm/năm, trong đó lớn nhất tại khu vực ven biển Nam Trung Bộ với tốc độ tăng đến trên 5,6mm/năm; khu vực ven biển vịnh Bắc Bộ có mức tăng thấp hơn, khoảng 2,5mm/năm [4].

Mới đây nhất, chỉ tính riêng trong năm 2020, cả nước đã xảy ra 16 loại hình/576 đợt trận thiên tai, có 14 cơn bão trên biển Đông, 265 trận dông lốc, mưa lớn trên 49 tỉnh, thành phố, trong đó 9 đợt trên diện rộng tại 21 tỉnh, thành phố Bắc Bộ và Trung Bộ; 120 trận sạt lở đất và lũ quét; đặc biệt là trận lũ lớn nhất lịch sử từ ngày 06 đến ngày 22/10 tại khu vực Trung Bộ, nhất là các tỉnh từ Hà Tĩnh đến Thừa Thiên Huế; 82 trận động đất, trong đó có 2 trận động đất với rủi ro thiên tai cấp 4 (tại Mường Tè, Lai Châu với độ lớn 4,9; tại Mộc Châu, Sơn La với độ lớn 5,3), hạn hán, xâm nhập mặn nghiêm trọng, sạt lở bờ sông bờ

biển, sụt lún đê biển tại đồng bằng sông Cửu Long [7].

Từ các số liệu nêu trên có thể phần nào cho thấy được tình hình BĐKH tại Việt Nam đang tiếp tục diễn biến hết sức phức tạp, thường xuyên và khó lường. Điều này đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng và tác động trực tiếp đến tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội, đời sống, y tế và sức khỏe cộng đồng.

3. Thực trạng chính sách, pháp luật về ứng phó biến đổi khí hậu tại Việt Nam

Là một trong những quốc gia chịu nhiều sự tác động, tổn thương do BĐKH gây ra, Việt Nam đã sớm tham gia các hội nghị về BĐKH do Liên Hợp quốc tổ chức. Đồng thời xuất phát từ tình hình thực tiễn của Việt Nam, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chủ trương chính sách, quy định pháp luật nhằm giải quyết tốt vấn đề BĐKH trong nước.

Dưới góc độ hội nhập quốc tế về ứng phó BĐKH, để thể hiện vai trò, ý thức và trách nhiệm của mình trong việc chung tay ứng phó BĐKH toàn cầu, Việt Nam đã ký Công ước khung về BĐKH ngày 11/06/1992, phê chuẩn ngày 16/11/1994; và ký Nghị định thư Kyoto ngày 03/12/1998, phê chuẩn ngày 25/09/2002. Mặc dù là một trong các bên không thuộc phụ lục I, chưa có nghĩa vụ phải cam kết giảm phát thải định lượng các khí nhà kính theo quy định của Nghị định thư Kyoto, nhưng Việt Nam cũng thực hiện một số nghĩa vụ chung như xây dựng thông báo quốc gia về BĐKH; kiểm kê quốc gia các khí nhà kính từ các nguồn do con người gây ra và lượng khí nhà kính được hấp thụ bởi các bể hấp thụ; đánh giá tác động của BĐKH đối với các lĩnh vực kinh tế - xã hội và xác định các vùng, lĩnh vực dễ bị tổn hại bởi BĐKH, nước biển dâng; xây dựng và thực hiện các biện pháp thích ứng với BĐKH; xây dựng và thực hiện các chương trình, phương án giảm nhẹ phát thải khí nhà kính khi nhận được sự hỗ trợ đầy đủ về vốn và chuyển giao công nghệ từ các nước phát triển và tổ chức quốc tế; tiến hành các hoạt động nghiên cứu và quan trắc những vấn đề yếu tố liên quan đến khí hậu và BĐKH; cập nhật, phổ biến các thông tin

nhằm nâng cao nhận thức của các nhà hoạch định chính sách và công chúng về BĐKH, cơ chế phát triển sạch (CDM). Tiếp đến, ngày 22/04/2016, tại Trụ sở Liên hợp quốc ở New York, Hoa Kỳ, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Trần Hồng Hà đã đại diện cho Chính phủ Việt Nam cùng với lãnh đạo và đại diện lãnh đạo Nhà nước, Chính phủ của hơn 170 nước ký Thỏa thuận Paris về BĐKH và cam kết thực hiện “Đóng góp do quốc gia tự quyết định” (NDC). NDC của Việt Nam bao gồm hai hợp phần chính là giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và thích ứng với BĐKH. Mới đây nhất là tại Hội nghị COP26 diễn ra từ 31/10/2021 đến 12/11/2021 tại Thành phố Glasgow (Scotland, Vương quốc Anh) Việt Nam đã cam kết mạnh mẽ trách nhiệm của Việt Nam trong việc ứng phó BĐKH. Theo đó, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã đưa ra tuyên bố mạnh mẽ về đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050, đồng thời thể hiện quyết tâm và cam kết chính trị của Đảng, Nhà nước trong việc đẩy mạnh chuyển đổi kinh tế nhằm góp phần giải quyết khủng hoảng khí hậu. Nhìn chung, Việt Nam đã tham gia và là thành viên rất tích cực thực hiện các nghĩa vụ cam kết quốc tế để góp phần vào nỗ lực chung của thế giới về ứng phó BĐKH. Có thể thấy rằng mặc dù còn gặp nhiều khó khăn về kinh tế nhưng Việt Nam đã và đang thực hiện tốt những nghĩa vụ quốc tế của mình trong lĩnh vực BĐKH nhằm đóng góp vào nỗ lực chung của thế giới về ứng phó với BĐKH, đồng thời giải quyết và khắc phục các tác động tiêu cực của BĐKH đang diễn ra tại Việt Nam.

Về mặt chính sách, pháp luật trong nước. Việt Nam đã và đang nỗ lực triển khai xây dựng và áp dụng nhiều chính sách, pháp luật ở mọi cấp độ nhằm ứng phó với các tác động tiêu cực ngày càng tăng của BĐKH. Tại Đại hội lần thứ XI của Đảng đã chỉ rõ: “Thiên tai, dịch bệnh, khủng hoảng năng lượng, ô nhiễm môi trường, BĐKH trở thành những vấn đề nghiêm trọng trên quy mô toàn thế giới” [8], đến Đại hội lần thứ XII, Đảng đã khẳng định quan điểm về khai thác sử dụng và quản lý hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường (BVMT), chủ động phòng chống thiên tai, ứng phó BĐKH với nhiệm vụ cụ thể là chủ động xây dựng, triển khai và kiểm tra,

giám sát việc thực hiện các chương trình, kế hoạch ứng phó với BĐKH, phòng chống thiên tai cho từng giai đoạn; nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo và ứng phó với thiên tai, giám sát BĐKH và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ [9]. Gần đây tại Đại hội lần thứ XIII, Đảng nhận định BĐKH là vấn đề toàn cầu và là một trong những thách thức lớn mà Việt Nam phải đối mặt đồng thời chỉ rõ, ở trong nước BĐKH sẽ gay gắt, phức tạp, gây ra nhiều hệ lụy đối với sự phát triển của đất nước, do đó việc “Chủ động thích ứng với BĐKH, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh” là một trong những định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030 và là một trong 6 nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng [10]. Các nội dung đường lối chiến lược nêu trên của Đảng là cơ sở nền tảng quan trọng để Nhà nước xây dựng, ban hành các chính sách, pháp luật điều chỉnh về vấn đề ứng phó BĐKH trong nước.

Dưới góc độ quản lý nhà nước, để nâng cao năng lực dự báo, giám sát khí hậu; giảm thiểu thiệt hại thiên tai và cắt giảm phát thải khí nhà kính, Việt Nam đã ban hành nhiều kế hoạch, chương trình hành động trọng tâm ứng phó với BĐKH như: Chỉ thị số 35/2005/CT-TTG ngày 17/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức thực hiện Nghị định thư Kyoto thuộc Công ước khung của Liên Hợp quốc về BĐKH năm 2005, Quyết định số 47/2007/QĐ-TTg ngày 06/4/2007 về phê duyệt Kế hoạch tổ chức thực hiện Nghị định thư Kyoto thuộc UNFCCC giai đoạn 2007-2010, Quyết định số 130/2007/QĐ-TTg ngày 02/8/2007 về một số cơ chế, chính sách đối với dự án đầu tư theo Cơ chế phát triển sạch (CDM), Nghị quyết số 60/2007/NQ-CP ngày 03/12/2007 của Chính phủ giao Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, xây dựng Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với BĐKH năm 2008, Quyết định số 2139/QĐ-TTg ngày 05/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược quốc gia về BĐKH, Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch thực hiện thỏa thuận Paris về BĐKH, Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ ban hành chương trình hành động tiếp tục thực hiện

Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và BVMT theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/08/2019 của Bộ chính trị,... Đặc biệt mới đây nhất, trước khi tham dự COP26, ngày 01/10/2021 Thủ tướng Phạm Minh Chính đã phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 với các mục tiêu nhằm đưa Việt Nam đi tắt đón đầu bắt kịp, tiến cùng cùng, vượt lên lên, hướng tới khát vọng thịnh vượng về kinh tế, bền vững về môi trường và công bằng về xã hội.

Ngoài những chính sách tiêu biểu ở trên, thời gian qua Việt Nam cũng đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến BĐKH trong các lĩnh vực tài nguyên, sinh học, nông lâm nghiệp, môi trường xây dựng, thủy lợi, giao thông, năng lượng, công nghiệp, y tế,... như: Luật Đê điều năm 2006, Luật Sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng năm 2010, Luật Tài nguyên nước 2012, Luật Phòng chống thiên tai 2013, Luật Khí tượng thủy văn năm 2015,... đặc biệt mới đây nhất là Luật BVMT năm 2020. Luật BVMT 2020 đã bổ sung các quy định về thích ứng với BĐKH, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, bảo vệ tầng ô-zôn, trong đó xác định nội dung và trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ, ngành liên quan và địa phương về thích ứng với BĐKH và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; bổ sung quy định về lồng ghép nội dung ứng phó với BĐKH vào hệ thống chiến lược, quy hoạch, thực hiện cam kết quốc tế về BĐKH và bảo vệ tầng ô đôn. Đặc biệt, Luật BVMT 2020 đã lần đầu tiên chế định về tổ chức và phát triển thị trường các-bon như là công cụ để thúc đẩy giảm phát thải khí nhà kính trong nước, góp phần thực hiện đóng góp về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính do Việt Nam cam kết khi tham gia Thỏa thuận Paris về BĐKH. Trong đó, quy định rõ đối tượng được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính và có quyền trao đổi, mua bán trên thị trường các-bon trong nước; căn cứ xác định hạn ngạch phát thải khí nhà kính; trách nhiệm của các cơ quan quản lý, tổ chức liên quan trong việc phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính; lộ trình và thời điểm triển khai thị trường

các-bon trong nước để phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Ngoài ra, vấn đề BDKH cũng được đề cập trong Hiến pháp năm 2013 khi Điều 63 Hiến pháp đã xác định trách nhiệm của Nhà nước trong việc chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với BDKH. Theo đó, nội dung ứng phó với BDKH phải được thể hiện trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch phát triển một số ngành, lĩnh vực thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, điều này đã cho thấy Nhà nước ta đã rất quan tâm đến ứng phó với BDKH.

Với các chính sách, pháp luật nêu trên, có thể nói Việt Nam cơ bản đã tạo đủ khung thể chế và chính sách ứng phó BDKH ở Việt Nam [11]. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực đạt được, vẫn còn những hạn chế, bất cập nhất định, đặc biệt là các vấn đề thực thi các chính sách, pháp luật về ứng phó BDKH, điều này đã ảnh hưởng đến tính hiệu quả tối ưu trong hoạt động ứng phó BDKH. Một số hạn chế, bất cập có thể kể đến như:

Một là, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về ứng phó với BDKH chưa đồng bộ. Hiện nay, chúng ta chưa có một luật chuyên ngành điều chỉnh về BDKH mà vấn đề này được quy định rải rác trong nhiều văn bản pháp luật khác như Luật BVMT 2020, Luật Đê điều năm 2006, Luật Sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng năm 2010, Luật Tài nguyên nước 2012, Luật Phòng chống thiên tai 2013, Luật Khí tượng thủy văn năm 2015,... Việc chưa có một văn bản pháp luật chuyên ngành điều chỉnh riêng biệt về hoạt động ứng phó BDKH đã gây ra không ít khó khăn cho các chủ thể trong việc tiếp cận, tìm hiểu và áp dụng các quy định về ứng phó BDKH vào thực tiễn một cách đồng bộ và hiệu quả. Ngoài ra, các quy định về ứng phó BDKH được quy định trong các văn bản luật hiện nay đa phần mang tính định khung, nhiều vấn đề còn mang nặng tính nguyên tắc nhưng chưa có nhiều quy định hướng dẫn cụ thể ở tầm cấp độ nghị định, thông tư. Hiện nay, tại Luật BVMT 2020, vấn đề ứng phó BDKH được quy định trực tiếp tại Điều 90 bao gồm các vấn đề về xác định nội hàm khái niệm và nội

dung thích ứng BDKH cũng như trách nhiệm của các chủ thể quản lý nhà nước trong việc thích ứng BDKH. Tuy nhiên, phần lớn các nội dung quy định này cũng chỉ dừng lại ở mức độ định khung và chưa có sự hướng dẫn đầy đủ rõ ràng. Trong các nội dung được đề cập tại Điều 90 Luật BVMT 2020, Bộ Tài nguyên và Môi trường mới chỉ ban hành các quy định hướng dẫn về đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do BDKH, thông qua Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT về ứng phó BDKH, trong khi các nội dung liên quan còn lại vẫn còn đang bỏ ngõ chờ hướng dẫn. Các vấn đề về xác định trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan đến hoạt động thích ứng với BDKH; đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do BDKH; thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính và thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đối với cơ sở phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính; thu gom, tái chế, tái sử dụng và tiêu hủy các chất làm suy giảm tầng ô-zôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát,... hiện vẫn chưa có các quy định hướng dẫn cụ thể mà vẫn chỉ đang trong quá trình xem xét dự thảo. Chính những vấn đề này đã tạo ra thách thức không nhỏ trong việc tuân thủ, thực thi các quy định pháp luật về ứng phó BDKH.

Hai là, các chế tài có thể được áp dụng để xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về ứng phó BDKH chưa được quy định một cách trực tiếp cụ thể mà được xác định thông qua các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực môi trường nói chung. Hiện nay, tại Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/07/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường chưa có điều khoản cụ thể nào quy định về xử phạt đích danh đối với hành vi vi phạm các quy định về ứng phó BDKH mà việc xử phạt này được xác định trên cơ sở tích hợp với các hành vi vi phạm pháp luật môi trường nói chung được quy định trong Nghị định, điều này gây ra nhiều khó khăn cho các chủ thể trong việc xác định và áp dụng các quy định pháp luật làm căn cứ pháp lý để xử phạt các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực này. Hiện nay pháp luật vẫn chưa rõ ràng về quy định áp dụng để xử lý, chế tài xử

lý, thẩm quyền xử phạt trong trường hợp các chủ thể vi phạm yêu cầu về ứng phó BĐKH. Bên cạnh đó, Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) cũng chưa có quy định cụ thể nào điều chỉnh trực tiếp về vấn đề xử lý tội phạm liên quan đến ứng phó BĐKH, trong khi các tội phạm này vô cùng nguy hiểm bởi nó đe dọa nghiêm trọng đến sự sống của con người và các loài sinh vật khác. Chính điều này cũng gây nên sự khó khăn trong việc xác định và áp dụng các hình phạt để xử lý cho phù hợp, thuyết phục, từ đó tạo điều kiện cho các đối tượng tận dụng để thực hiện các hành vi vi phạm.

Ba là, việc thực thi chính sách, pháp luật về ứng phó BĐKH chưa thực sự hiệu quả. Việc tuân thủ pháp luật về ứng phó BĐKH của các chủ thể tham gia vào hoạt động sản xuất, kinh doanh hầu như chỉ mang tính chất hình thức đối phó. Các hoạt động làm BĐKH như gây ô nhiễm môi trường không khí, chặt phá rừng, phát thải khí nhà kính và các chất làm suy giảm tầng ô dôn vẫn tiếp tục diễn ra. Đơn cử trong lĩnh vực khai thác khoáng sản hiện có khoảng 1.500 tổ chức tham gia hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản, nhưng hầu hết đều không chấp hành nghiêm túc quy định pháp luật về BVMT. Các hành vi vi phạm phổ biến là không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết BVMT trong quá trình khai thác, chế biến khoáng sản, xả nước thải vượt tiêu chuẩn cho phép; không phục hồi, hoàn thổ hoàn nguyên môi trường sau khai thác,... [12]. Bên cạnh đó, tình trạng buông lỏng quản lý, thiếu trách nhiệm trong việc kiểm tra, giám sát hoạt động ứng phó BĐKH còn khá phổ biến, công tác thanh tra, kiểm tra về hoạt động ứng phó BĐKH của các cơ quan chức năng đa phần vẫn còn mang tính hình thức, hiện tượng phạt để tồn tại còn nhiều. Việc phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về ứng phó BĐKH còn phân tán, chồng chéo và chưa hợp lý [13]. Sự phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong công tác ứng phó BĐKH chưa chặt chẽ, chưa phát huy sức mạnh tổng hợp, làm giảm hiệu quả đầu tư; thiếu các cơ chế, quy định cụ thể về chế độ báo cáo, chia sẻ thông tin thường xuyên của các bộ, ban, ngành từ trung ương đến địa phương. Hoạt động ứng

phó BĐKH còn bị động, lúng túng, mang tính đơn lẻ và ngắn hạn; chưa huy động được toàn bộ hệ thống chính trị và nhân dân cùng tham gia; năng lực cảnh báo, dự báo thiên tai, giám sát BĐKH chưa đáp ứng yêu cầu. Công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai vẫn chủ yếu tập trung vào ứng phó và khắc phục hậu quả mà chưa chú trọng đúng mức đến chủ động phòng ngừa. Việc lồng ghép BĐKH vào trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch còn lúng túng, chưa đi vào thực chất. Tỷ lệ hoàn thành thực hiện các cam kết với các đối tác phát triển về xây dựng chính sách thuộc Chương trình hỗ trợ ứng phó với BĐKH (SP-RCC) vẫn còn thấp; cơ sở dữ liệu quốc gia về BĐKH còn thiếu và chưa đáp ứng được yêu cầu. Việc đổi mới cơ chế, chính sách ứng phó BĐKH trong nước còn chậm, chưa đồng bộ với các cam kết quốc tế, còn nhiều hạn chế cần phải tháo gỡ; nhiều cơ chế, chính sách không theo kịp với sự phát sinh và tính chất ngày càng phức tạp của thực tế BĐKH. Tất cả những vấn đề này đã và đang làm cho việc thực thi các chính sách, pháp luật về ứng phó BĐKH chưa thể phát huy được tính hiệu quả.

Bốn là, nhận thức về vai trò và sự cần thiết trong việc tuân thủ, thực thi các chính sách pháp luật về ứng phó BĐKH của các chủ thể trong nước còn nhiều hạn chế, nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền, tổ chức, doanh nghiệp và người dân về BĐKH chưa đầy đủ, thống nhất. Trên thực tế, trong ứng phó với BĐKH, một bộ phận các cấp ủy Đảng, chính quyền và người dân vẫn chưa có nhận thức đầy đủ, toàn diện về BĐKH và tầm quan trọng của công tác ứng phó BĐKH. Nhận thức về BĐKH của cộng đồng còn hạn chế và phiến diện, mới chỉ quan tâm đến các tác động tiêu cực mà chưa quan tâm đến nguyên nhân gây ra BĐKH để có những hành động đúng đắn thông qua việc chuyển đổi lối sống, mẫu hình sản xuất và tiêu thụ theo định hướng các bon thấp, tăng trưởng xanh. Tình trạng doanh nghiệp và người dân không hiểu và nắm rõ các quy định về BĐKH vẫn còn khá phổ biến, phần lớn vẫn chạy theo lợi nhuận, coi nhẹ BVMT. Trách nhiệm xã hội đối với môi trường tại các doanh nghiệp Việt Nam chưa đảm bảo, việc thực hiện các hoạt động ứng phó BĐKH tại các doanh

ng nghiệp chủ yếu mang tính chất đối phó với các cơ quan chức năng chứ chưa xuất phát từ ý thức. Trong khi đó, công tác tuyên truyền vẫn bị xem nhẹ và dồn đẩy cho các cơ quan báo chí, truyền thông, nhưng các cơ quan này cũng chưa tổ chức thực hiện thường xuyên, liên tục; việc tiếp cận thông tin về các nội dung cần tuyên truyền còn hạn chế; các phương thức tuyên truyền chưa đa dạng và chưa được khai thác hiệu quả, các cán bộ làm công tác tuyên truyền chưa có đủ kiến thức chuyên môn nhất định. Hơn nữa, thực trạng công tác tuyên truyền còn mang nặng tính hình thức và rời rạc, chưa xác định rõ nội dung, hình thức và phương tiện phù hợp để tuyên truyền cho từng nhóm đối tượng cụ thể trong xã hội. Những vấn đề này cũng tác động không nhỏ đến việc thực thi hiệu quả các chính sách, pháp luật về ứng phó BĐKH trong nước.

Năm là, nguồn lực dành cho các hoạt động ứng phó BĐKH còn hạn chế. Các chính sách, cơ chế về tài chính chưa được đảm bảo, đầu tư; chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước và vấn đề huy động các nguồn lực trong xã hội để ứng phó BĐKH chưa đáp ứng yêu cầu. Tính theo tỷ lệ phần trăm trên GDP, việc chi cho ứng phó với BĐKH vẫn còn thấp, ước tính chỉ bằng 0,1% GDP của Việt Nam [14]. Đồng thời, cơ chế phân bổ vốn cho BĐKH còn nhiều bất cập; chưa có cơ chế, thể chế tài chính với tầm chiến lược dài hạn để đón đầu, thu hút nguồn lực tài chính và hỗ trợ công nghệ ứng phó với BĐKH,... nên đã ảnh hưởng nhiều đến hiệu quả triển khai đồng bộ các nhiệm vụ trong kế hoạch, chương trình lớn về BĐKH. Tại một số địa phương việc sử dụng nguồn chi thường xuyên cho hoạt động ứng phó BĐKH chưa đúng mục đích, chưa hiệu quả [15]. Tỷ lệ đầu tư trở lại cho hoạt động ứng phó BĐKH từ các nguồn thu liên quan đến môi trường còn thấp [16]. Bên cạnh sự hạn chế về tài chính thì nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn để phục vụ cho công tác ứng phó BĐKH cũng thiếu về số lượng, yếu về chất lượng, chưa theo kịp các yêu cầu mới đặt ra, nhiều chủ thể thiếu kiến thức hiểu biết về các cam kết và quy định pháp luật về BĐKH, nhất là tại các địa phương thì tình trạng này càng trở nên trầm trọng hơn. Chính sự hạn chế về

các nguồn lực nêu trên cũng đã ảnh hưởng và tác động không nhỏ đến việc tuân thủ, thực thi có hiệu quả các chính sách, pháp luật về ứng phó BĐKH ở Việt Nam hiện nay.

Như vậy, có thể thấy rằng về cơ bản Việt Nam đã xây dựng và ban hành được các chính sách, quy định pháp luật cần thiết để tạo hành lang pháp lý nhằm phục vụ kịp thời cho hoạt động ứng phó BĐKH. Tuy nhiên, với những bất cập, hạn chế như đã phân tích, để việc ứng phó BĐKH đạt được tính khả thi tối ưu, đòi hỏi cần phải tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về ứng phó BĐKH một cách kịp thời và triệt để hơn nữa.

4. Một số đề xuất, kiến nghị hoàn thiện chính sách và pháp luật

Như đã đề cập, là một trong những quốc gia chịu nhiều tác động của BĐKH, Việt Nam đã rất quan tâm trong việc xây dựng các chính sách, quy định pháp luật cũng như thực hiện nhiều chương trình hành động cụ thể để triển khai thích ứng hiệu quả đối với BĐKH. Các nỗ lực cố gắng của Việt Nam đã được ghi nhận tại các diễn đàn trong và ngoài nước. Tuy nhiên, so với nhu cầu ứng phó trước tác động ngày càng gia tăng của BĐKH thì Việt Nam còn rất nhiều việc cần tiếp tục phải làm, như phân tích dưới đây.

Một là, tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý về ứng phó BĐKH theo hướng đầy mạnh rà soát, chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách, khung khổ pháp lý về ứng phó với BĐKH. Theo đó, cần phải tiếp tục rà soát sửa đổi, bổ sung hệ thống chính sách, pháp luật về ứng phó BĐKH, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật trong nước trên cơ sở tương thích với các cam kết, nghĩa vụ về ứng phó BĐKH tại các hiệp định, công ước mà Việt Nam là thành viên; kịp thời bãi bỏ những quy định chưa phát huy được tính hiệu quả khả thi trên thực tế trong quá trình áp dụng, ban hành bổ sung thêm những quy định còn thiếu. Bên cạnh đó, cần phải tiếp tục hoàn thiện các quy định về quản lý nhà nước, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong việc thực hiện ứng phó với BĐKH theo hướng tiếp tục phân định rõ nhiệm vụ, thẩm

quyền của từng chủ thể trong quy trình tham gia thực hiện ứng phó với BĐKH, tăng cường sự phối hợp của cơ quan chức năng ở địa phương với các bộ, ngành trong việc hoạch định chính sách và cơ chế điều phối, thực hiện các hoạt động ứng phó với BĐKH. Thêm vào đó, cần nghiên cứu, xây dựng và bổ sung các quy định pháp luật về định mức, tiêu chuẩn kỹ thuật trong hoạt động sản xuất kinh doanh có liên quan đến ứng phó với BĐKH, đồng thời phát hành các hướng dẫn kỹ thuật về môi trường phù hợp với từng nhóm đối tượng. Đặc biệt, trước mắt cần phải nhanh chóng ban hành các nghị định, thông tư hướng dẫn cụ thể các quy định về vấn đề ứng phó BĐKH trên cơ sở làm rõ các quy định này trong Luật BVMT 2020 và các Luật có liên quan để phục vụ kịp thời cho việc hiểu và áp dụng hiệu quả, thống nhất trên thực tế. Các văn bản hướng dẫn ở tầm nghị định, thông tư cần phải tiếp tục quy định, hướng dẫn cụ thể về đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do BĐKH gây ra theo hướng làm rõ được các nội dung về mục đích, thông tin dữ liệu phục vụ đánh giá, các yếu tố trong kịch bản BĐKH sử dụng để đánh giá, nội dung phương pháp trình tự đánh giá và trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc đánh giá. Bên cạnh đó, cũng cần phải đưa ra các quy định cụ thể hướng dẫn về việc thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính và thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đối với cơ sở phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính; ban hành danh mục và hướng dẫn thu gom, tái chế, tái sử dụng và tiêu hủy các chất làm suy giảm tầng ô dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát, ... để giúp cho việc áp dụng và thực thi các quy định về ứng phó với BĐKH trong Luật BVMT 2020 phát huy được tính hiệu quả. Về lâu dài, cần phải tiếp tục nghiên cứu tiến đến xây dựng và ban hành Luật Ứng phó BĐKH để điều chỉnh cụ thể các vấn đề liên quan đến ứng phó BĐKH. Việc ban hành một văn bản luật chuyên ngành điều chỉnh riêng biệt về hoạt động ứng phó BĐKH sẽ giúp khắc phục được vấn đề khó khăn trong việc tiếp cận và áp dụng so với việc quy định phân tán rải rác như hiện nay.

Ngoài ra, cần phải tiếp tục hoàn thiện hệ thống các quy định xử phạt đối với hành vi vi

phạm quy định về ứng phó BĐKH. Theo đó, cần nghiên cứu bổ sung điều khoản quy định cụ thể trực tiếp về xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính trong vấn đề ứng phó BĐKH vào Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường, trong đó phải xác định rõ hình thức xử phạt, mức tiền phạt, biện pháp khắc phục hậu quả cũng như thẩm quyền xử phạt; đặc biệt khi đưa ra quy định về xác định mức tiền phạt được áp dụng phải đảm bảo tương xứng với tính chất mức độ hành vi vi phạm và hậu quả gây ra cho môi trường, con người, loại bỏ mức chế tài mang tính tượng trưng, cào bằng. Bên cạnh đó, cũng cần bổ sung thêm tội phạm về ứng phó BĐKH vào Bộ luật Hình sự với các mức hình phạt cụ thể tương ứng với từng hành vi, chủ thể phạm tội. Theo đó, mức hình phạt được áp dụng đối với loại tội phạm này không chỉ dừng lại ở mức phạt tiền, cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn mà còn có thể lên đến tù chung thân và có thể kèm theo hình phạt bổ sung. Việc bổ sung các quy định về chế tài xử phạt cụ thể, trực tiếp đối với các hành vi vi phạm trong vấn đề ứng phó BĐKH như đã đề xuất là rất quan trọng, cần thiết bởi điều này sẽ tạo ra hành lang cơ sở pháp lý vững chắc, rõ ràng để giúp cho việc xác định và xử lý các hành vi vi phạm được dễ dàng, hiệu quả và thuyết phục hơn.

Hai là, tăng cường đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả các chương trình ứng phó BĐKH. Để làm được điều này thì đòi hỏi cần phải tăng cường công tác giám sát, kiểm tra tình hình triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về BĐKH, đánh giá các mục tiêu, chỉ tiêu về ứng phó với BĐKH. Cần tiếp tục nghiên cứu, đánh giá tác động của BĐKH đối với từng vùng, địa phương; rà soát, chỉnh sửa, bổ sung các quy hoạch hiện có, xây dựng các quy hoạch mới liên quan, trong đó có các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng, đô thị, thủy lợi, sản xuất nông nghiệp, ổn định dân cư, ... trên cơ sở tích hợp các yếu tố BĐKH. Cùng với đó, cần chuyển đổi cơ cấu kinh tế, tái cấu trúc nền kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh và phát triển bền vững, thích ứng cao với BĐKH và phát thải ít các bon; đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển năng lượng, các công nghệ và giải pháp tiết kiệm năng lượng, sử

dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên. Cần nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai nhằm góp phần chủ động phòng, chống và giảm thiểu thiệt hại thiên tai, BĐKH. Cần khuyến khích, thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao công nghệ xanh, thân thiện với môi trường; triển khai các công cụ định giá các bon, xây dựng cơ sở pháp lý và hình thành thị trường các bon, thuế, phí các bon, thiết lập hệ thống quốc gia về giám sát, báo cáo, thẩm định công cụ đánh giá các hoạt động giảm phát thải khí nhà kính. Cần tăng cường sự phối hợp giữa các Bộ, ngành, địa phương trong thực hiện Chiến lược quốc gia về BĐKH, Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, Chương trình mục tiêu ứng phó với BĐKH và tăng trưởng xanh, Kế hoạch triển khai thỏa thuận Paris về BĐKH và các chương trình, kế hoạch, dự án liên quan đến BĐKH đã ban hành. Cần thực hiện giảm phát thải khí nhà kính, tăng cường khả năng hấp thụ khí nhà kính của các hệ sinh thái theo lộ trình thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC).

Ba là, đầu tư và chi tiêu hợp lý cho công tác ứng phó BĐKH. Theo đó, cần phải tiếp tục chú trọng xây dựng năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với BĐKH, ưu tiên nghiên cứu cơ bản để phục vụ dự báo, cảnh báo và phân vùng rủi ro thiên tai; phát triển hệ thống theo dõi, giám sát thiên tai chuyên dùng. Cần đẩy mạnh hiện đại hóa hệ thống quan trắc, dự báo khí tượng thủy văn, xây dựng hệ thống giám sát BĐKH, nước biển dâng, hệ thống quan trắc tai biến địa chất và phòng chống thiên tai. Cần đổi mới công nghệ sản xuất cần theo hướng thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng, sử dụng có hiệu quả tài nguyên, ít chất thải và các bon thấp; nghiên cứu phát triển và tiếp nhận, chuyển giao công nghệ tiên tiến, nhằm nâng cao năng lực thích ứng với BĐKH. Hơn nữa, cần tăng cường ứng dụng công nghệ viễn thám, công nghệ mới, tiên tiến trên nền tảng công nghệ thông tin trong dự báo, cảnh báo, điều tra, đánh giá ứng phó với BĐKH; xây dựng một số chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước phục vụ triển khai các mục tiêu, giải pháp chủ yếu về ứng phó với BĐKH. Về nguồn lực tài chính, các địa

phương, các ngành cần kết hợp tăng chi từ ngân sách với đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước, nhất là các nguồn vốn ưu đãi cho ứng phó BĐKH, việc chi tiêu phải minh bạch, đúng mục đích, rõ ràng, kịp thời có hiệu quả. Hằng năm, phải xem xét ưu tiên bố trí nguồn ngân sách phù hợp cho công tác ứng phó với BĐKH. Đồng thời, phải thực hiện đa dạng hóa các nguồn vốn và các giải pháp huy động nguồn lực tài chính để thực hiện các mục tiêu ứng phó BĐKH, đặc biệt là huy động nguồn lực tài chính từ khu vực tư nhân. Theo đó, để thu hút và huy động được nguồn vốn tư nhân đầu tư vào ứng phó BĐKH thì đòi hỏi Nhà nước cần tăng cường cam kết thực hiện các chính sách hỗ trợ như ưu đãi thuế, trợ giá, miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và thúc đẩy hợp tác công tư trong ứng phó với BĐKH; củng cố môi trường đầu tư cho doanh nghiệp tư nhân thông qua xây dựng và vận hành thị trường các bon và xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá cho tài chính khí hậu, cũng như nâng cao năng lực, hiểu biết của khu vực tư nhân và người sử dụng dịch vụ về ứng phó BĐKH thông qua đa dạng hóa nguồn vốn vay. Ngoài ra, Nhà nước cũng cần đa dạng hóa và tăng cường nguồn vốn vay thông qua mở rộng hoạt động cấp tín dụng xanh và thị trường trái phiếu, đặc biệt là trái phiếu xanh và các công cụ ưu đãi khác để có thể huy động được nguồn tài chính để phục vụ cho hoạt động ứng phó BĐKH.

Bốn là, nâng cao năng lực quản lý và nhận thức của các chủ thể trong hoạt động ứng phó BĐKH. Theo đó, để nâng cao năng lực quản lý thì đòi hỏi cần phải tiếp tục phát huy vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, các ngành, các cấp về xây dựng năng lực chủ động ứng phó với BĐKH; khắc phục tình trạng tổ chức thực hiện thiếu quyết liệt, hình thức, quá coi trọng tăng trưởng kinh tế, bỏ qua hoặc buông lỏng quản lý nhà nước về ứng phó với BĐKH. Việc ứng phó BĐKH phải dựa trên phương thức quản lý tổng hợp, liên ngành, liên vùng, có trọng tâm, trọng điểm, dựa vào nội lực là chính, vừa đảm bảo cho nhiệm vụ trước mắt, vừa đáp ứng yêu cầu phát triển lâu dài. Phải tăng cường công tác giám sát, kiểm tra tình hình triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về BĐKH, đánh giá các mục tiêu,

chỉ tiêu về ứng phó với BĐKH để nâng cao trách nhiệm quản lý của các chủ thể. Bên cạnh việc nâng cao năng lực quản lý thì việc nâng cao năng lực nhận thức cho các chủ thể trong hoạt động ứng phó BĐKH cũng rất cần thiết. Theo đó, để nâng cao năng lực nhận thức cho các chủ thể trong vấn đề ứng phó BĐKH thì đòi hỏi các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị cần tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, nhằm nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm của mọi người về ứng phó BĐKH. Trong đó để công tác tuyên truyền phát huy được tính hiệu quả thì đòi hỏi cần phải đa dạng cách thức tuyên truyền, chú trọng tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng và hệ thống giáo dục. Trong đó, cần tích cực đổi mới hình thức tuyên truyền, giáo dục theo hướng dễ nghe, dễ đọc, dễ hiểu. Nội dung tuyên truyền cần tập trung làm rõ vị trí, vai trò, ý nghĩa và những tác động tiêu cực của BĐKH và phải đến được với đông đảo các tầng lớp nhân dân, kể cả ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Đồng thời, phải tiếp tục thay đổi cách nghĩ, cách làm để tận dụng thời cơ, giảm thiểu nguy cơ và các tác động tiêu cực của BĐKH. Tăng cường việc phổ biến kinh nghiệm, xây dựng kỹ năng phòng tránh thiên tai, thích ứng với BĐKH cho các lực lượng chức năng, doanh nghiệp và toàn xã hội; hình thành các thiết chế văn hóa, đạo đức, ý thức ứng phó BĐKH trong xã hội để giúp nâng cao nhận thức của các chủ thể trong vấn đề ứng phó BĐKH.

Năm là, đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong ứng phó BĐKH. Việc tăng cường trao đổi, hợp tác, hội nhập quốc tế trong hoạt động ứng phó BĐKH là điều rất quan trọng và cần thiết đặc biệt là đối với một quốc gia đang phát triển như Việt Nam thì điều này càng có giá trị. Thông qua việc hợp tác và hội nhập quốc tế sẽ giúp Việt Nam có điều kiện để trao đổi thông tin, học hỏi kinh nghiệm, đối thoại chính sách, hợp tác trong dự báo, đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ với các nước phát triển để phục vụ hiệu quả cho hoạt động ứng phó BĐKH. Hơn nữa, việc đẩy mạnh hợp tác, hội nhập quốc tế trong vấn đề ứng phó BĐKH sẽ giúp xây dựng hình ảnh và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế, điều này sẽ chứng minh cho

cộng đồng quốc tế thấy rõ Việt Nam là một quốc gia có trách nhiệm trong ứng phó với BĐKH. Ngoài ra, việc hợp tác và hội nhập quốc tế sẽ giúp chúng ta triệt để tận dụng được cơ hội toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế để huy động nguồn lực, tiếp nhận chuyển giao công nghệ, hỗ trợ kỹ thuật, học hỏi kinh nghiệm của các nước đi trước về ứng phó với BĐKH để từ đó giúp nâng cao hiệu quả ứng phó BĐKH trong nước trên cơ sở đáp ứng được các yêu cầu cam kết quốc tế. Như vậy, có thể thấy rằng vấn đề đẩy mạnh hợp tác, hội nhập quốc tế trong ứng phó BĐKH không chỉ là thách thức, mà còn là cơ hội để Việt Nam có thể thực hiện tốt sứ mệnh của mình trong hoạt động ứng phó BĐKH.

5. Kết luận

Từ những vấn đề phân tích nêu trên có thể thấy rằng vấn đề BĐKH hiện nay tại Việt Nam đang diễn biến rất phức tạp, điều này tác động rất lớn đến đời sống kinh tế xã hội, sức khỏe, thậm chí là tính mạng người dân. Để ứng phó với tình trạng này, chúng ta không chỉ tích cực tham gia vào các cam kết quốc tế về ứng phó BĐKH mà còn chủ động trong việc xây dựng, ban hành, áp dụng các chính sách, pháp luật cụ thể để phục vụ kịp thời cho hoạt động ứng phó BĐKH. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được thì vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế, bất cập như đã phân tích. Vì vậy, việc tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các chính sách, pháp luật về ứng phó BĐKH cũng như việc thực thi hiệu quả các chính sách, pháp luật này trên thực tế là điều rất quan trọng, cấp thiết trong bối cảnh hiện nay. Như Thủ tướng Phạm Minh Chính đã đề nghị tại Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về BĐKH (COP26) diễn ra ở Glasgow (Vương quốc Anh): “Ứng phó với BĐKH, phục hồi tự nhiên phải trở thành ưu tiên cao nhất trong mọi quyết sách phát triển, là tiêu chuẩn đạo đức cao nhất của mọi cấp, mọi ngành, mọi doanh nghiệp và người dân. Khoa học công nghệ phải đi trước để dẫn dắt và nguồn lực tài chính phải là đòn bẩy, thúc đẩy chuyển đổi mô hình phát triển hướng tới kinh tế xanh, tuần hoàn, bền vững, bao

trùm và nhân văn. Mọi hành động phải dựa vào tự nhiên và lấy người dân làm trung tâm, là chủ thể và là động lực phát triển bền vững, không để ai bị bỏ lại phía sau” [17].

Tài liệu tham khảo

- [1] Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, Biến đổi khí hậu và tác động của biến đổi khí hậu, <https://dangcongsan.vn/xay-dung-xa-hoi-an-toan-truoc-thien-tai/bien-doi-khi-hau-va-tac-dong-cua-bien-doi-khi-hau-594203.html>, 2021 (accessed on: January 11th, 2022).
- [2] D. Thủy, Năm 2017 kỷ lục của thiên tai: Xuất hiện 16 cơn bão, lũ lịch sử trái quy luật, 2017, link: <https://infonet.vietnamnet.vn/doi-song/nam-2017-ky-luc-cua-thien-tai-xuat-hien-16-con-bao-lu-lich-su-trai-quy-luat-151261.html>, 2017 (accessed on: January 11th, 2022).
- [3] Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn quốc gia, Bản tin dự báo khí tượng thủy văn thời hạn mùa, <https://web.archive.org/web/20180902095144/http://www.nchmf.gov.vn/web/vi-VN/70/16/Default.aspx>, 2018 (accessed on: January 11th, 2022).
- [4] Bộ Tài nguyên và Môi trường, Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam (phiên bản cập nhật 2016), NXB Tài nguyên Môi trường và Bản đồ Việt Nam, Hà Nội, 2016.
- [5] T. Hanh, H. Nhi, Lý giải nguyên nhân Hà Nội nóng kỷ lục trong 46 năm, <https://vietnam.opendevelopmentmekong.net/vi/topics/climate-change/>, 2019 (accessed on: January 11th, 2022).
- [6] H. V. Huân, T. T. X. Mỹ, Tác động của quá trình nước biển dâng đối với vùng cửa sông, ven biển đồng bằng Nam Bộ và định hướng những hành động ứng phó, https://web.archive.org/web/20180902113836/http://www.vawr.org.vn/index.aspx?aac=CLICK&aid=ARTICLE_DETAIL&ari=1474&lang=1&menu=khoa-hoc-cong-nghe&mid=995&parentmid=982&pid=4&storeid=0&title=tac-dong-cua-qua-trinh-nuoc-bien-dang-doi-voi-vung-cua-song-ven-bien-dong-bang-nam-bo-va-dinh-huong-nhung-hanh-dong-ung-pho, 2018 (accessed on: January 11th, 2022).
- [7] K. Minh, Thiên tai gây thiệt hại hơn 33.449 tỷ đồng, <https://baotainguyenmoitruong.vn/thien-tai-gay-thiet-hai-hon-33-449-ty-dong-315386.html>, 2020 (accessed on: January 11th, 2022).
- [8] Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, NXB Chính trị quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2011.
- [9] Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, NXB Chính trị quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2016.
- [10] N. T. Sơn và nhóm tác giả, Thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường theo tinh thần Nghị quyết đại hội XIII của Đảng, https://tapchiconsan.org.vn/web/guest/media-story/-/asset_publisher/V8hnp4dK31Gf/content/thich-ung-voi-bien-doi-khi-hau-va-bao-ve-moi-truong-theo-tinh-than-nghi-quyet-dai-hoi-xiii-cua-dang, 2021 (accessed on: January 11th, 2022).
- [11] N. Đ. Minh, Xây dựng chính sách, pháp luật và triển khai các hành động ứng phó biến đổi khí hậu ở Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 19(347), tháng 10/2017, tr.40.
- [12] L. V. Hợp, Tội phạm môi trường và các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường, Tạp chí Luật sư, số 3, 2022, tr.15.
- [13] L. K. Nguyệt, P. N. H. Long, Trách nhiệm của doanh nghiệp trong ứng phó với BĐKH ở Việt Nam hiện nay, Tạp chí Khoa học, số 1, 2021, tr. 65.
- [14] Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân sách cho ứng phó với biến đổi khí hậu ở Việt Nam: Đầu tư thông minh vì tương lai bền vững, Hà Nội, 2015.
- [15] B. Tư, Sử dụng ngân sách để bảo vệ môi trường: Vì sao chưa hiệu quả, <http://thoibaotaichinhvietnam.vn/pages/xa-hoi/2018-07-27/su-dung-ngan-sach-de-bao-ve-moi-truong-vi-sao-chua-hieu-qua-60332.aspx>, 2018 (accessed on: January 11th, 2022).
- [16] B. Thanh, Tăng cường quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường để phát triển bền vững, <http://www.tapchiconsan.org.vn/Home/Nghiencuu-Traodoi/2013/22412/Tang-cuong-quan-ly-nha-nuoc-ve-bao-ve-moi-truong-de.aspx>, 2013 (accessed on: January 11th, 2022).
- [17] H. Nam, Đoàn kết toàn cầu ứng phó với biến đổi khí hậu, <https://baotintuc.vn/thoi-su/doan-ket-toan-cau-ung-pho-voi-bien-doi-khi-hau-20211114153140298.htm#:~:text=Th%E1%BB%A7%20t%C6%B0%E1%BB%9Bng%20Ph%E1%BA%A1m%20Minh%20Ch%C3%ADnh,c%C3%B9ng%20l%C3%A0m%20v%C3%A0%20c%C3%B9ng%20chi%E1%BA%BFn>, 2021 (accessed on: January 11th, 2022).